Tổng CTCP Xây dựng điện Việt Nam (HSX: VNE)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	3,510 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.2%	-	-

DT thuần

2024

701 *tỷ VNĐ*

YoY
▼ 357
▼ 33.8%

LN gộp

2024

-4.83 *tỷ VNĐ*

YoY
▼ 164
▼ 103%

LN thuần

2024

-261 *tỷ VNĐ*

YoY
▼ 242
▼ 1298%

LN sau thuế

2024

-266 *tỷ VNĐ*

YoY
▼ 238
▼ 831%

ROE

2024

-29.3%

+/- YoY
▼ 27.5%

ROA

2024

-7.3%

+/- YoY
▼ 6.9%

Lịch sử giá

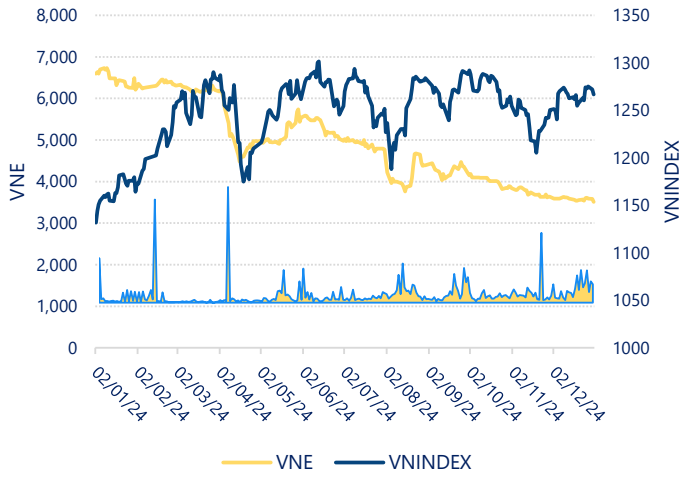

Kết quả kinh doanh

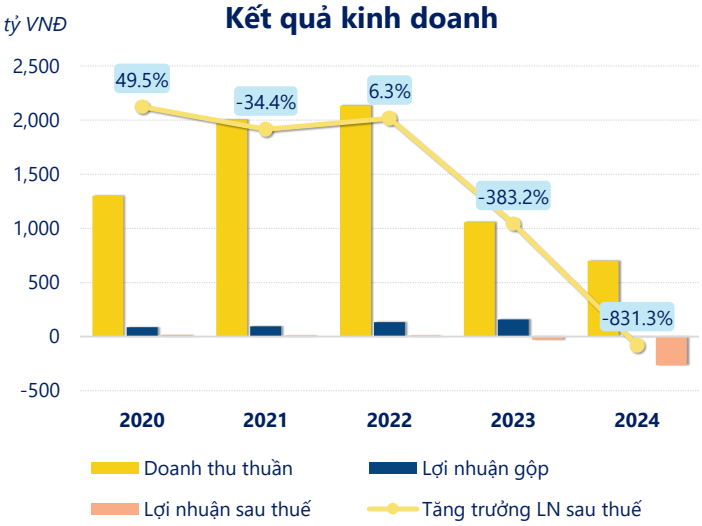

Năm **2024**, **VNE** ghi nhận doanh thu thuần **700.6** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **-265.8** tỷ đồng, lần lượt **giảm 33.8%** và **giảm 831%** so với năm trước.

Sự sụt giảm về doanh thu cùng với lợi nhuận âm, dẫn đến **ROE** bằng -29.3% là dấu hiệu cảnh báo của tình hình kinh doanh đang xấu đi.

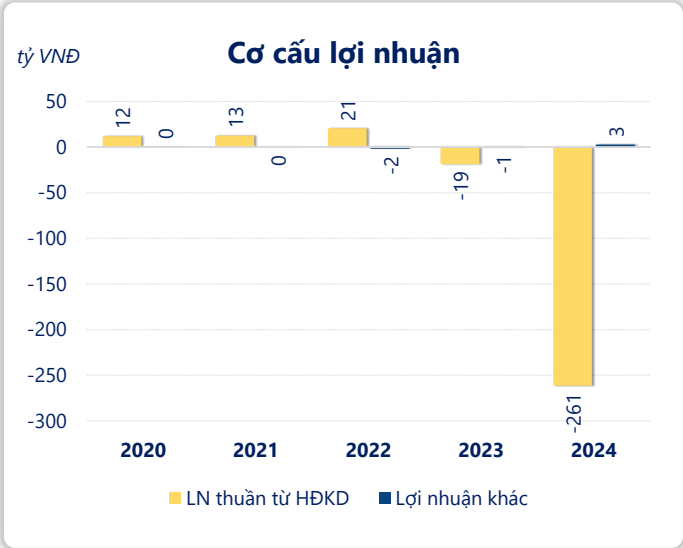

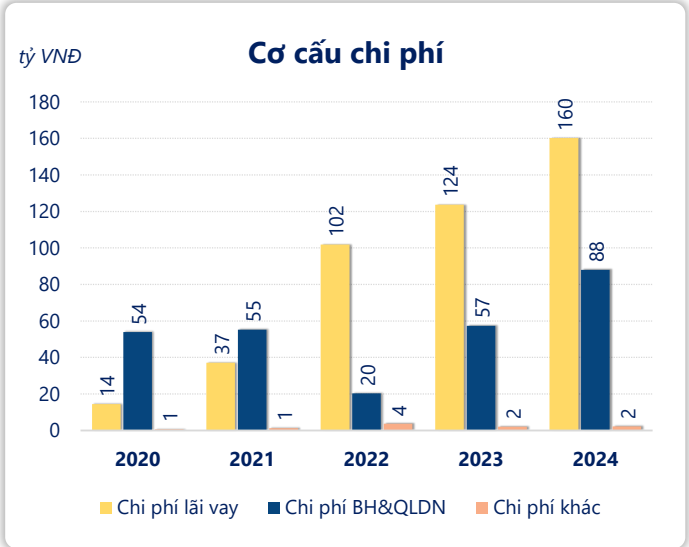

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của **VNE** năm **2024 giảm đi 242.7** tỷ so với năm trước, ghi nhận khoản lỗ 261.4 tỷ đồng. Đây là khoản **lỗ từ hoạt động kinh doanh lớn nhất 5 năm qua**. Cho thấy dấu hiệu tiêu cực trong hoạt động kinh doanh của công ty trong những năm gần đây.

Chi phí lãi vay tăng lên so với năm trước, ở mức **160.3** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **tăng lên**, ở mức **88.02** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **2.28** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của VNE năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **-29.3%**, đây là mức ROE **thấp nhất** trong vòng 5 năm gần đây.

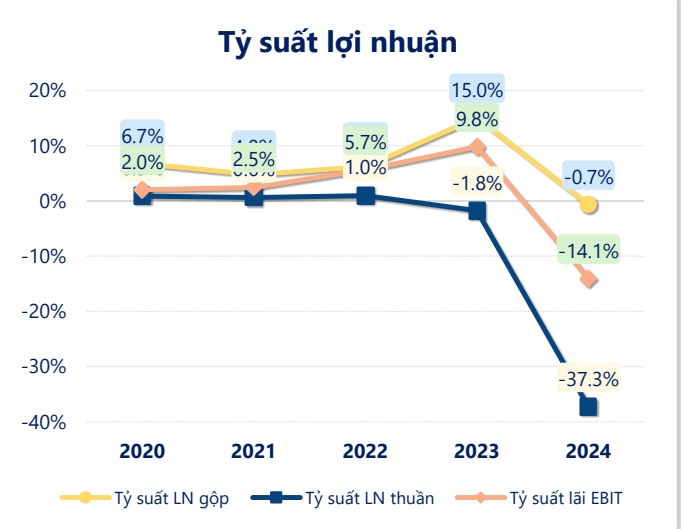

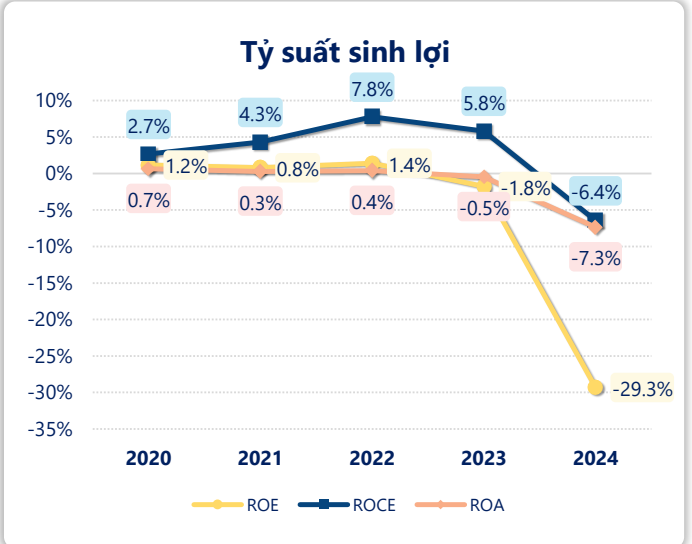

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**1,300**	**1,999**	**2,133**	**1,058**	**701**
Giá vốn hàng bán	1,212	1,904	2,000	899	705
Lợi nhuận gộp	**87.6**	**95.0**	**133**	**159**	**-4.83**
Doanh thu HĐTC	1.39	5.11	12.7	8.53	1.35
Chi phí TC	23.8	34.1	110	129	170
Chi phí lãi vay	**14.4**	**37.2**	**102**	**124**	**160**
LN trong công ty LKLD	0.44	1.88	4.88	0.15	0.22
Chi phí bán hàng	1.49	0.64	0.42	0.32	0.42
Chi phí QLDN	52.4	54.6	19.9	57.1	87.6
LN thuần từ HĐKD	**11.7**	**12.6**	**20.6**	**-18.7**	**-261**
Lợi nhuận khác	0.38	-0.24	-1.89	-1.03	2.57
LN trước thuế	**12.1**	**12.3**	**18.7**	**-19.7**	**-259**
Lợi nhuận sau thuế	**14.4**	**9.48**	**10.1**	**-28.5**	**-266**
LNST của CĐ cty mẹ	**11.5**	**7.95**	**14.5**	**-18.1**	**-255**

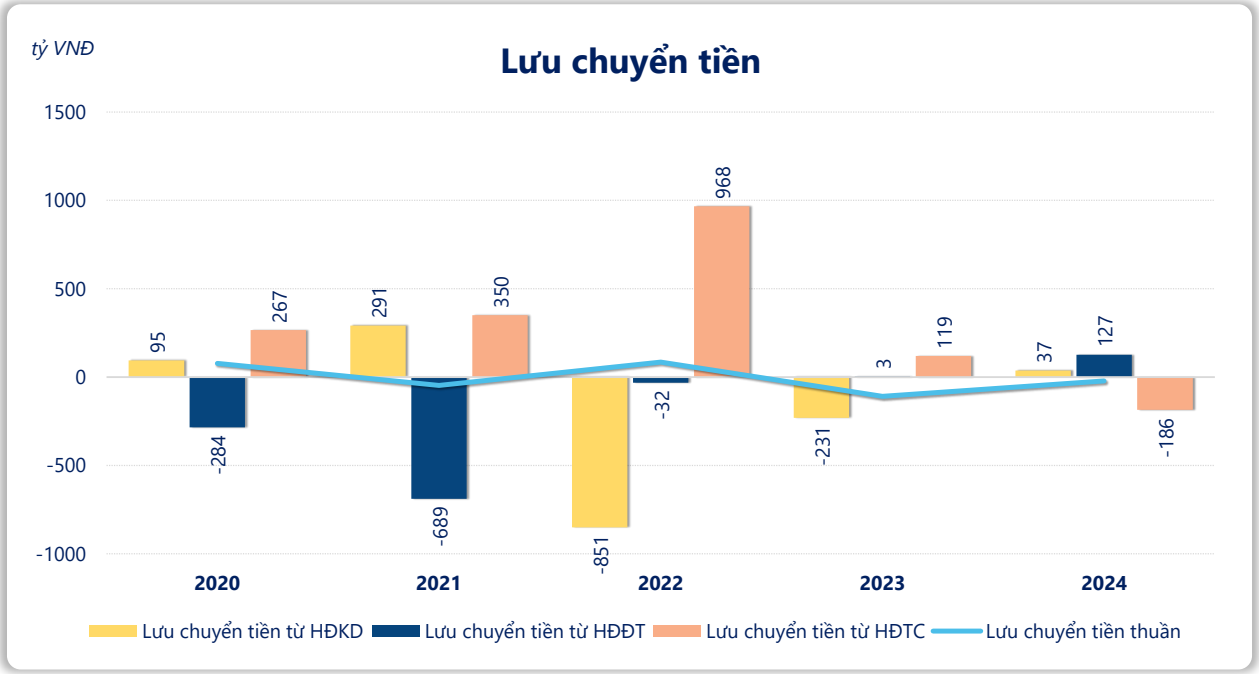

Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của VNE bằng **-21.80** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (-108.8 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **37.35** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **126.7** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-185.9** tỷ đồng.